

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ -PT

Ngày: 30/5/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung vợ chồng, tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Xuân Đào

Bà Lê Thị Ký

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Huy Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai,

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 70/2023/TLPT-HNGĐ ngày 14/4/2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 149/2022/HNGĐ-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuân L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm: 1983 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 1A, xã Xuân H, huyện Xuân L, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Xuân H**, sinh năm: 1975 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 1A, xã Xuân H, huyện Xuân L, tỉnh Đồng Nai

Ngoài ra, trong vụ án còn một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và không có liên quan đến nội dung kháng cáo của đương sự nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày: Trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện bà và ông Nguyễn Xuân H chung sống với nhau năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân H, huyện Xuân L, tỉnh Đồng Nai. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc

nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Nay tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Diệu H, sinh ngày 05/02/2012 và cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 19/02/2014. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 thửa đất số 191 tờ bản đồ 75 xã Xuân H và 01 căn nhà cấp 4 trên đất. Bà H yêu cầu được ở trên căn nhà cấp 4, tọa lạc trên thửa đất trên, vì hiện nay ông H phải đi chấp hành án, mẹ con bà không có chỗ ở nào khác. Bà sẽ hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung vợ chồng cho ông Nguyễn Xuân H.

Tại Bản đồ hiện trạng thửa đất của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, chi nhánh Xuân L đo vẽ ngày 02/12/2021, thì thửa đất 191 tờ bản đồ 75 xã Xuân H được xác định bởi các mốc (1,2,3,4,5,6-1) có diện tích $309.6m^2$ Bà thống nhất với bản đồ hiện trạng trên.

Về nợ chung: Năm 2017 vợ chồng bà có vay Ngân Hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Xuân L số tiền 100.000.000đ đồng để chăn nuôi heo. Sau khi lấy tiền ngân hàng về bà có cho bà Lê Thị Ngọc H vay lại số tiền 40.000.000 đồng. Ngoài ra vợ chồng bà còn vay của bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền 40.000.000 đồng. Đến tháng 07 năm 2020 thì bà Ngọc H đã trả số tiền nợ trên cho vợ chồng bà, nên bà đã dùng số tiền trên 40.000.000 đồng trả nợ cho bà T. Hiện bà Ngọc H không nợ vợ chồng bà khoản tiền nào khác.

Vào tháng 03 năm 2020, vợ chồng bà đáo hạn ngân hàng trả toàn bộ số nợ trước đây, sau đó vợ chồng bà có làm hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Xuân L vay số tiền 100.000.000 đồng tại hợp đồng tín dụng số 5902-Lav-202000936 ngày 06/3/2020. Bà xác định nợ chung vợ chồng là 100.000.000 đồng. Bà yêu cầu chia đôi khoản nợ vay, bà có trách nhiệm trả cho Ngân hàng nông nghiệp Việt Nam, chi nhánh Xuân L 50.000.000 đồng và ông H trả 50.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Xuân H trình bày: Trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện ông và bà Trần Thị H chung chung sống với năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân H, Huyện Xuân L, tỉnh Đồng Nai. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bà H bỏ về cha mẹ đẻ sống. Ông và bà H ly thân nhau từ năm 2009 đến nay. Nay tình cảm không còn nên ông đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Diệu H, sinh ngày 05/02/2012 và cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 19/02/2014. Khi ly hôn ông đồng ý giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 thửa đất số 191 tờ bản đồ 75 xã Xuân H và 01 căn nhà cấp 4 trên đất. Ông không đồng ý chia tài sản chung vợ chồng, ông đề nghị để lại toàn bộ tài sản trên cho các con. Ông sẽ là người giám hộ cho các cháu để đảm bảo tài sản này không được chuyển

nhượng cho người khác đến đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về nợ chung: Hiện nay vợ chồng còn nợ Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Xuân L số tiền 100.000.0000 đồng. Ông đồng ý cùng bà H liên đới trả số nợ trên cho Ngân hàng.

- Người đại diện hợp pháp cho Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Xuân L do ông Nguyễn Văn Tiếp trình bày: Ngày 06/3/2020 người đại diện là bà Trần Thị H có ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Xuân L, phòng giao dịch Xuân Đ số tiền 100.000.000 đồng tại Hợp đồng tín dụng số 5902-LAV-202000936/HĐTD ngày 06/3/2020, sử dụng vào mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhu cầu đời sống và kèm theo Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 25/3/2021. Hạn trả theo phân kỳ mỗi năm 20.000.000 đồng ngày trả nợ cuối cùng là ngày 25/03/2026. Phân kỳ trả nợ gốc làm 5 kỳ vào ngày 25/3 hàng năm. Từ ngày nhận tiền vay đến nay bà Trần Thị H và ông Nguyễn Xuân H chưa trả cho Ngân hàng khoản tiền gốc và lãi nào cho Ngân hàng.

Tài sản đảm bảo (Giữ hộ) khoản vay này là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 909242 diện tích 360.2m² cấp cho ông Nguyễn Xuân H và bà Trần Thị H.

Yêu cầu bà Trần Thị H và ông Nguyễn Xuân H phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Xuân L số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 12/9/2022 là: 16.361.111 đồng.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 149/2022/HNGĐ-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân Huyện Xuân L đã áp dụng các Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51; Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 của Luật Hôn nhân gia đình 2014; Các Điều 100, Điều 106, Điều 203 Luật đất đai.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Tuyên xử:

1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Xuân H.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 40/TP, quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã Xuân H, Huyện Xuân L, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14/03/2009 không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Dịu H, sinh ngày 05/02/2012 và cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 19/02/2014 cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm thời ông Nguyễn Xuân H không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà Trần Thị H không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung:

3.1 Chia tài sản chung bằng hiện vật: Chia cho bà Trần Thị H được quyền sử dụng phần đất được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4,5,6 -1) có diện tích 309.6m² thuộc thửa 191 tờ bản đồ 75 xã Xuân H, Huyện Xuân L, tỉnh Đồng Nai, mốc giới thể hiện tại Bản đồ hiện trạng sử dụng đất số 4079/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, chi nhánh Xuân L ngày 02/12/2021. Bà Trần Thị H được quyền sở hữu toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với đất được chia.

Ông Nguyễn Xuân H phải có nghĩa vụ giao cho bà Trần Thị H phần đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất được chia cho bà Trần Thị H.

Bà Trần Thị H có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định pháp luật đối với phần đất được chia.

3.2 Về nghĩa vụ thanh toán: Buộc bà Trần Thị H phải thanh toán cho ông Nguyễn Xuân H số tiền 1.683.300.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm tám mươi ba triệu ba trăm ngàn đồng*)

4. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Xuân L.

Buộc bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Xuân L số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) tiền lãi là 8.180.555 đồng (*Tám triệu một trăm tám mươi ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng*).

Buộc ông Nguyễn Xuân H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Xuân L số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) tiền lãi là 8.180.555 đồng (*Tám triệu một trăm tám mươi ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng*).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/10/2022, ông Nguyễn Xuân H có đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa 1 phần án sơ thẩm về việc chia tài sản: vì sau khi chấp hành án xong thì ông không có chỗ ở nào khác căn nhà trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: tại cấp phúc thẩm, bà H đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản để 2 ông bà tự thỏa thuận với nhau, ông H cũng đồng ý với việc này nên đề nghị Tòa án chấp nhận, hủy và đình chỉ một phần bản án dân sự sơ thẩm về phần chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Xuân H làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo:

Bà Trần Thị H xin ly hôn với ông Nguyễn Xuân H do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Ông H cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bà H bỏ về cha mẹ đẻ sống. Ông và bà H ly thân nhau từ năm 2009 đến nay. Nay tình cảm không còn nên ông đồng ý ly hôn với bà H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã cho bà H ly hôn với ông H. Trên cơ sở đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết về vấn đề nợ chung, con chung và tài sản chung của hai ông bà.

Ông Trần Xuân H chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc chia tài sản chung vì ông cho rằng sau khi chấp hành án xong thì ông không có chỗ ở nào khác ngoài nhà đất tại thửa 192, tờ bản đồ số 75, xã Xuân H, Huyện Xuân L. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, bà H đã làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản vì bà cho rằng hai vợ chồng bà đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Xét thấy việc rút đơn của bà H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và được ông H đồng ý nên Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy và đình chỉ một phần bản án dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản.

Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: ông Nguyễn Xuân H chịu 50% án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp, trả lại cho ông H 150.000đ. Các đương sự vẫn phải chịu án phí sơ thẩm theo quyết định của Tòa án nhân dân Huyện Xuân L.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 4 Điều 308, Điều 299 của Bộ luật tố tụng dân sự, hủy và đình chỉ giải quyết một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 149/2022/HNGĐ-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân Huyện Xuân L về việc chia tài sản chung vợ chồng.

2. Về án phí: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: ông Nguyễn Xuân H chịu 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0007204 ngày 17/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Xuân L, trả lại cho ông H 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.
- Viện kiểm sát nhân dân Huyện Xuân L
- Tòa án nhân dân Xuân L
- Chi cục thi hành án dân sự Xuân L
- UBND xã Xuân H
- Đường sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Trang